

HOSE 30/05/2014

VNINDEX 562.02 3.57 0.64%

KLGD 83,436,300 CP
GTGD 1,413.28 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 91 CP
CP Giảm giá 128 CP
CP Đứng giá 85 CP



HNX 30/5/2014

HNXINDEX 75.80 -0.58 -0.77%

KLGD 50,641,187 CP
GTGD 479.22 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 95 CP
CP Giảm giá 116 CP
CP Đứng giá 168 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 618.00 2.99 0.49%
HNX30 152.13 -1.49 -0.97%

Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp tục nâng đỡ thị trường**
- ▶ **Thanh khoản giảm trên cả hai sàn, dòng tiền chủ yếu tập trung cổ phiếu vốn**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1,892 tỷ đồng, giảm 18%.
- ▶ **Tổng cục Thống kê: 5 tháng đầu năm, nước ta xuất siêu 1.7 tỷ USD**
Thị trường xuất khẩu chủ yếu vẫn là Hoa Kỳ, EU, ASEAN.
Tiền Phong
- ▶ **Tháng 5, tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 1.4%**
Và tăng 13.5% so với cùng kỳ năm 2012
Chính Phủ
- ▶ **GDP Mỹ lần đầu tiên suy giảm sau 3 năm**
Đây cũng là lần đầu tiên trong 3 năm qua nền kinh tế Mỹ tăng trưởng âm
CNBC
- ▶ **PGI: 5 tháng đạt 820 tỷ đồng doanh thu bảo hiểm gốc**
Tăng 3% so với cùng kỳ năm trước
Trí Thức Trẻ/HSX
- ▶ **TJC: Năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 2.986 tỷ đồng, vượt kế hoạch 199%**
Được biết, năm 2011, TJC đạt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 5 tỷ đồng
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	983,279	13.5	3.0	20.6%	10.8%
HNX	123,271	18.5	1.6	6.8%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,106,550	15.5	2.9	19.4%	10.2%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,274	6.3	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,803	7.1	1.5	21.2%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	35,864	21.1	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng	11,963	55.8	5.0	1.8%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,020	17.5	1.3	11.8%	8.5%
Xây dựng	28,321	29.7	1.1	-6.6%	1.3%
Máy công nghiệp	7,761	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,027	13.8	1.3	14.2%	10.8%
Lốp xe	6,990	8.5	2.3	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,364	11.5	1.2	14.0%	6.2%
Thực phẩm	197,775	22.9	4.8	21.3%	16.5%
Dược phẩm	15,193	12.1	3.1	25.5%	16.8%
Phần mềm	16,161	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	22,321	5.7	1.2	-6.5%	3.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	187,975	15.8	5.0	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	27,695	22.5	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	23,099	12.9	1.3	8.2%	6.3%
Ngân hàng	242,662	10.9	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	136,801	11.2	2.5	28.5%	7.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,522	9.6	1.9	20.5%	8.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Bà Trưng
Hà Nội
Việt Nam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tổng cục Thống kê: 5 tháng đầu năm, nước ta xuất siêu 1.7 tỷ USD

Tháng 5, tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 1.4%

GDP Mỹ lần đầu tiên suy giảm sau 3 năm

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

PGI: 5 tháng đạt 820 tỷ đồng doanh thu bảo hiểm gốc

TJC: Năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 2.986 tỷ đồng, vượt kế hoạch 199%

FCN: Được phép điều chỉnh Room xuống 31.93% từ ngày 29/5

► Tin kinh tế

Tổng cục Thống kê cho biết, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 5 ước đạt 12 tỷ USD (giảm 8.2% so với tháng trước). Cùng thời điểm, kim ngạch nhập khẩu ước khoảng 12.4 tỷ USD (tăng 1.1%), chủ yếu nhập các mặt hàng phục vụ gia công lắp ráp hàng xuất khẩu, nguyên, nhiên liệu. Tính chung 5 tháng đầu năm, nước ta xuất siêu 1.7 tỷ USD. Thị trường xuất khẩu chủ yếu vẫn là Hoa Kỳ, EU, ASEAN. Nhập khẩu chủ yếu vẫn từ Trung Quốc (16.1 tỷ USD), đây cũng là thị trường nhập siêu lớn nhất của Việt Nam, với mức nhập siêu 5 tháng khoảng 9.9 tỷ USD.

Theo Tổng cục Thống kê, tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 ước tính đạt 240.3 nghìn tỷ đồng, tăng 1.4% so với tháng trước và tăng 13.5% so với cùng kỳ năm 2013. Tính chung 5 tháng đầu năm, tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1,179 nghìn tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng của khu vực kinh tế Nhà nước đạt 115.8 nghìn tỷ đồng, chiếm 9.8% tổng mức và tăng 8.6%. Kinh tế ngoài Nhà nước đạt 1,020.3 nghìn tỷ đồng, chiếm 86.5%, tăng 10.8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 43 nghìn tỷ đồng, chiếm 3.7%, tăng 23%.

Theo Bộ Thương mại Mỹ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế Mỹ đã giảm 1% trong quý 1/2014. Trong khi đó, ước tính lần đầu tiên trước đó cho thấy GDP quý 1 của Mỹ tăng nhẹ 0.1%. Lần gần nhất kinh tế Mỹ suy giảm tăng trưởng đã diễn ra vào quý 1/2011. Nguyên nhân chủ yếu của sự suy giảm lần này là do đầu tư vào nhà ở mới, văn phòng và nhà máy giảm mạnh, kèm theo đó là sự giảm sút từ đầu tư hàng tồn kho và thâm hụt thương mại lớn, dưới ảnh hưởng chung của thời tiết khắc nghiệt.

► Tin doanh nghiệp

Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (Pjico) (HOSE: PGI) công bố nghị quyết HĐQT ngày 28/5/2014. Về tình hình hoạt động kinh doanh 5 tháng đầu năm, Pjico cho biết doanh thu bảo hiểm gốc 5 tháng vừa qua tăng 3% so với cùng kỳ, ước đạt 820 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí bồi thường bảo hiểm gốc bằng 35% doanh thu, giảm 7.5% so với cùng kỳ 2013. PGI vẫn tiếp tục thực hiện tiết kiệm trong phạm vi toàn Tổng công ty. Trong riêng quý 1, PGI đã tiết giảm 8.4 tỷ đồng chi phí bán hàng so với cùng kỳ 2013 trong khi doanh thu tăng 13 tỷ đồng, các khoản chi phí văn phòng, công tác phí, nhiên liệu, điện thoại, báo chí... cũng giảm 4.8 tỷ đồng so với cùng kỳ 2013.

Sáng nay (30/5), Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại (Transco) (HNX: TJC) tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014. Theo báo cáo của HĐQT, năm 2013, do thực hiện tốt việc quản trị kinh doanh khai thác vận tải, tăng doanh thu tiết giảm chi phí, kết hợp mở rộng kinh doanh dịch vụ logistics nên kết quả kinh doanh đã có lãi trong khi điều kiện vận tải biển còn rất khó khăn. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 230.205 tỷ đồng (bằng 135% kế hoạch và bằng 123% năm 2012); lợi nhuận trước thuế đạt 2.986 tỷ đồng (bằng 299% kế hoạch), trong khi năm 2012 lỗ 9.407 tỷ đồng. Đại hội sẽ thông qua kế hoạch kinh doanh năm nay với các chỉ tiêu: tổng doanh thu là 180 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế 5 tỷ đồng, chia cổ tức 5% và cũng sẽ thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 96 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động và vốn đối ứng.

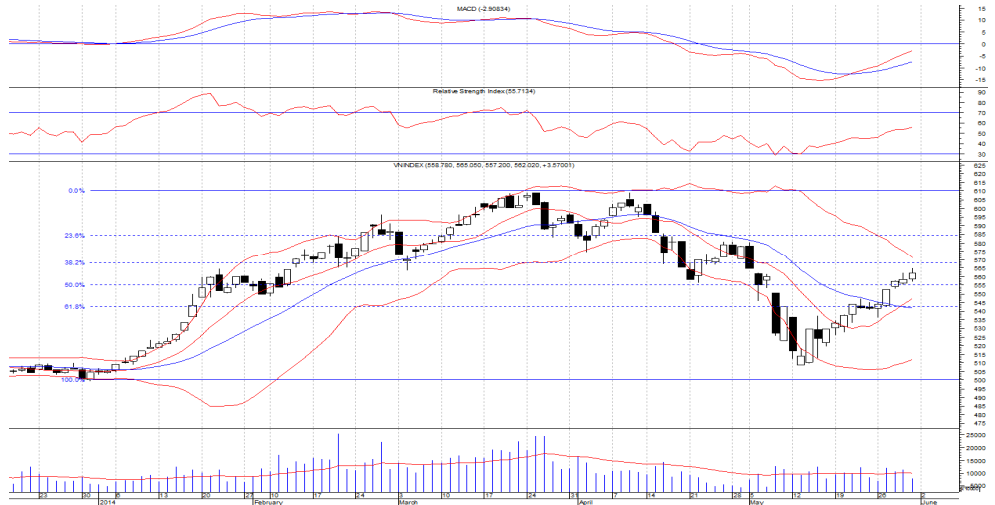
Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) cho phép, CTCP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON (HOSE: FCN - HOSE) sẽ được điều chỉnh giảm Room xuống 31.93%. Thời gian điều chỉnh là 29/05/2014. Được biết, FCN đang có kế hoạch chào bán riêng lẻ 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi, chủ yếu là nhà đầu tư ngoại. Sau khi chuyển đổi toàn bộ trái phiếu, vốn điều lệ dự kiến tăng lên 700 tỷ đồng. Trong một tháng qua, giá cổ phiếu FCN đóng cửa dao động trong biên độ 20,900 – 24,200 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 577,361 đơn vị, trị giá giao dịch bình quân là 12.8 tỷ đồng/phiên

HOSE 30/05/2014 VNINDEX 562.02 3.57 0.64% 83,436,300 CP 1,413.28 bil VND

VN-Index tiếp tục được nâng đỡ bởi CP vốn hóa lớn.

VN-Index tăng 3.57 điểm lên 562.02 điểm. Một cây nến trắng tiếp tục tăng hướng lên, nhóm CP vốn hóa lớn như MSN, GAS, VIC tăng mạnh nâng đỡ cho thị trường.

- MACD đang trong vùng chỉ báo mua và tiếp tục hướng lên đường Zero line, cho thấy xu thế tăng điểm vẫn tiếp diễn.
- RSI (14) đạt 53.8 điểm cho thấy xu thế hiện tại vẫn đang được củng cố và thị trường vẫn chưa đi vào vùng quá mua.
- Thị trường có thể tiếp tục tăng nhờ CP vốn hóa lớn, vùng kháng cự là vùng 580 điểm, đây là vùng đỉnh hồi cuối Tháng 4.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	6,661,040
IJC	-0.5 (-3.8%)	4,043,940
HQC	-0.3 (-4.3%)	4,029,540
VHG	0.2 (2.3%)	3,569,940
SSI	0 (0.0%)	3,341,240

HOSE Top 5 theo % tăng

KAC	0.7 (7.0%)	70
SSC	3.5 (6.9%)	100
SFC	1.2 (6.8%)	430
C47	1.3 (6.8%)	50
NSC	5 (6.7%)	3,050

HOSE Top 5 theo % giảm

DHG	-30 (-22.7%)	50,820
MCP	-1.3 (-7.0%)	10
DCT	-0.2 (-6.9%)	21,300
CTI	-0.9 (-6.8%)	10
STG	-2 (-6.8%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	61,1 tỷ	621,390
GAS	38,4 tỷ	392,760
STB	38,0 tỷ	1,854,800
HPG	19,3 tỷ	378,050
DPM	17,2 tỷ	530,080

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VHC	-12,0 tỷ	369,310
IJC	-4,7 tỷ	372,640
SBT	-4,6 tỷ	373,690
SZL	-2,0 tỷ	110,000
EIB	-1,6 tỷ	122,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	9,913,050	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index giảm đầu phiên, giữa phiên tăng điểm nhẹ và tăng nhiều hơn về cuối phiên nhờ một số CP vốn hóa lớn tăng điểm.
- ▶ Thanh khoản giảm 29% so với phiên trước và đạt 81 triệu cổ phiếu, đây là mức thấp so với thanh khoản bình quân gần đây trên HOSE.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 222 tỷ đồng, trong đó mua ròng mạnh MSN, GAS, STB, DPM. Việc tiếp tục mua ròng của khối ngoại tiếp tục hỗ trợ mạnh cho thị trường và tâm lý.
- ▶ Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang tích cực, tuy vậy VNINDEX đang hướng lên gần vùng kháng cự 580 điểm, thị trường có thể điều chỉnh ở vùng này.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời đặc biệt ở những CP mang tính đầu cơ cao và đã tăng nhiều, việc mua mới cần thận trọng.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	97.5	184,762.50	16.2	5.1	33.4%	22.6%
VNM	833.4	123.0	102,512.79	16.0	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	98.5	72,388.77	215.0	4.8	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	29.0	67,205.10	15.1	1.5	10.4%	1.0%
VIC	894.2	68.5	61,255.47	8.1	3.9	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.9	55,478.73	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.8	41,605.80	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	40.5	27,559.09	22.5	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	51.0	24,577.32	10.4	2.4	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.5	23,421.49	10.7	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.0	3,023.80	12.7	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.2	15,887.91	9.8	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.6	2,099.22	14.7	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.0	3,047.06	8.0	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.6	704.70	5.1	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.0	524.59	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 30/05/2014 HNX-Index 75.80 -0.58 -0.77% 50,641,187 CP 479.22 bil. VND

HNX-Index giảm điểm, dòng tiền vào thị trường yếu.

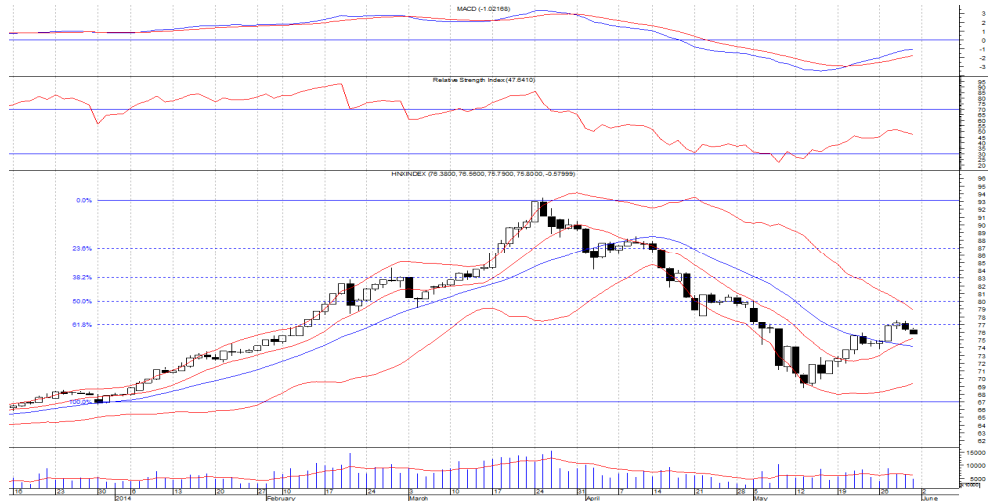
Chỉ số HNX-Index giảm 0.58 điểm xuống 75.80 điểm, cầu vào khá yếu khiến đa phần các cổ phiếu đều giảm điểm.

- HNX-Index vẫn nằm trên MA10 và MA20, nhưng MA10 đang có dấu hiệu chững lại, động lực tăng giảm.

- MACD đang trong vùng chỉ báo mua và tiếp tục hướng lên đường Zero line, cho thấy xu thế tăng điểm vẫn tiếp diễn.

- RSI (14) giảm xuống 47.6 điểm, đây là phiên thứ hai RSI giảm cho thấy động lực tăng đang yếu đi.

- Ngắn hạn thị trường có thể có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ MA20 tại 74.5 điểm.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-2.0%)	7,940,830
SCR	-0.2 (-2.3%)	5,163,990
KLS	-0.2 (-1.7%)	4,347,390
SHB	0 (0.0%)	4,045,740
SHS	-0.2 (-2.4%)	3,502,200

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
DNC	1.2 (11.0%)	-
CPC	2 (10.0%)	600
VNT	3 (10.0%)	25,100
DAE	1.6 (9.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

PSG	-0.1 (-12.5%)	483,350
S12	-0.5 (-10.0%)	100
HST	-0.8 (-9.9%)	20,000
TAG	-2.2 (-9.8%)	800
HBE	-0.4 (-9.8%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	12,7 tỷ	470,500
CSC	2,1 tỷ	118,000
VCG	2,0 tỷ	159,300
SHB	1,9 tỷ	209,400
DBC	1,6 tỷ	81,200

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-1,2 tỷ	77,200
HUT	-0,5 tỷ	48,000
VTL	-0,1 tỷ	11,500
HPC	-0,1 tỷ	19,000
LAS	0,0 tỷ	1,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,312,500	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index chủ yếu giảm điểm trong cả phiên giao dịch, nhiều cổ phiếu giảm điểm, lực cầu vào khá yếu và thanh khoản giảm ở mức thấp.
- ▶ Thanh khoản giảm 23% so với phiên trước còn 50 triệu CP, đây là mức thanh khoản thấp của thị trường. Dòng tiền đang có dấu hiệu chững lại.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 22 tỷ đồng tập trung ở PVS, SHB, VCG, VND.
- ▶ Các tín hiệu kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng trung hạn là tăng điểm, ngắn hạn thị trường có thể điều chỉnh về vùng MA20 tại 74.5 điểm.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời đặc biệt ở những CP mang tính đầu cơ cao và đã tăng nhiều, việc mua mới cần thận trọng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.7	14,283.55	18.7	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.8	11,971.57	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	12.5	5,521.38	12.5	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.2	5,040.00	35.7	2.3	6.3%	3.1%
PVI	225.4	17.5	3,944.75	14.4	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	41.0	3,191.11	7.3	2.3	33.5%	17.5%
VNR	100.8	28.8	2,903.84	8.1	1.2	14.5%	7.0%
NTP	56.3	51.5	2,901.48	10.2	2.3	23.8%	16.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.6	1,086.80	7.2	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.5	366.30	7.1	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.8	1,434.66	10.4	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.5	2,901.48	10.2	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.5	775.00	9.3	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.4	302.40	6.1	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	15.35%	98.5	214.99	4.82	108,071	152,141	338,133
VIC	HOSE	894.2	61,255.47	14.46%	68.5	8.06	3.85	270,123	434,783	531,741
HPG	HOSE	481.9	24,577.32	11.74%	51.0	10.38	2.38	551,808	684,647	823,873
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	8.68%	84.0	10.72	2.22	205,690	344,281	487,967
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	8.01%	32.5	6.48	1.40	1,136,997	1,318,871	1,417,304
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	7.98%	24.3	14.31	1.31	2,711,908	3,525,929	3,978,465
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	6.11%	29.0	15.05	1.51	474,386	682,943	850,160
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	4.13%	20.5	10.65	1.41	1,732,499	1,166,761	1,104,487
BVH	HOSE	680.5	27,559.09	3.08%	40.5	22.48	2.21	453,069	546,991	526,400
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	2.71%	7.9	101.19	0.74	6,160,473	6,200,495	9,349,879
HSG	HOSE	96.3	4,324.46	2.68%	44.9	10.85	1.92	161,091	184,702	231,003
GMD	HOSE	114.4	3,730.15	2.26%	32.6	122.80	0.84	357,032	383,909	400,181
PPC	HOSE	318.2	7,031.22	2.03%	22.1	7.74	1.25	472,842	593,009	881,018
VSH	HOSE	206.2	3,423.60	1.74%	16.6	15.84	1.27	393,358	543,239	794,382
CSM	HOSE	67.3	2,725.33	1.64%	40.5	7.34	2.10	280,250	370,890	567,236
KBC	HOSE	389.8	3,936.58	1.48%	10.1	22.68	0.79	645,723	800,722	1,190,645
DRC	HOSE	83.1	3,796.47	1.33%	45.7	9.87	2.58	138,016	209,780	335,617
PVT	HOSE	232.6	3,023.80	1.18%	13.0	12.71	1.07	665,438	688,234	1,539,918
DIG	HOSE	143.0	2,073.44	1.01%	14.5	38.87	0.89	194,568	332,579	615,947
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	0.91%	10.5	45.91	0.97	1,616,007	2,272,871	3,194,851
PET	HOSE	69.8	1,089.54	0.87%	15.6	7.27	0.87	397,320	474,696	729,801

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,971.57	5.37%	26.8	7.93	1.41	1,461,580	2,007,985	2,810,062
VIC	HOSE	894.2	61,255.47	8.00%	68.5	8.06	3.85	270,123	434,783	531,741
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	7.00%	29.0	15.05	1.51	474,386	682,943	850,160
BVH	HOSE	680.5	27,559.09	6.50%	40.5	22.48	2.21	453,069	546,991	526,400
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	5.79%	32.5	6.48	1.40	1,136,997	1,318,871	1,417,304
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	4.26%	20.5	10.65	1.41	1,732,499	1,166,761	1,104,487
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	3.22%	84.0	10.72	2.22	205,690	344,281	487,967
ITA	HOSE	718.1	5,672.79	3.73%	7.9	101.19	0.74	6,160,473	6,200,495	9,349,879
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.86%	9.1	9.98	0.76	6,950,304	8,026,556	9,616,188
PPC	HOSE	318.2	7,031.22	1.58%	22.1	7.74	1.25	472,842	593,009	881,018
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	2.33%	10.5	45.91	0.97	1,616,007	2,272,871	3,194,851
GMD	HOSE	114.4	3,730.15	1.62%	32.6	122.80	0.84	357,032	383,909	400,181
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	8.00%	98.5	214.99	4.82	108,071	152,141	338,133
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	2.83%	24.3	14.31	1.31	2,711,908	3,525,929	3,978,465
DRC	HOSE	83.1	3,796.47	1.28%	45.7	9.87	2.58	138,016	209,780	335,617
VCG	HNX	441.7	5,521.38	3.58%	12.5	12.48	1.00	2,458,378	2,318,682	3,016,251
PVT	HOSE	232.6	3,023.80	2.05%	13.0	12.71	1.07	665,438	688,234	1,539,918

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	61,255.47	0.00%	68.5	8.06	3.85	270,123	434,783	531,741
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	0.00%	98.5	214.99	4.82	108,071	152,141	338,133
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	0.00%	32.5	6.48	1.40	1,136,997	1,318,871	1,417,304
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	0.00%	24.3	14.31	1.31	2,711,908	3,525,929	3,978,465
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.00%	29.0	15.05	1.51	474,386	682,943	850,160
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.00%	20.5	10.65	1.41	1,732,499	1,166,761	1,104,487
BVH	HOSE	680.5	27,559.09	0.00%	40.5	22.48	2.21	453,069	546,991	526,400
CTG	HOSE	3,723.4	55,478.73	0.00%	14.9	8.70	1.00	403,579	530,245	852,205
GAS	HOSE	1,895.0	184,762.50	0.00%	97.5	16.17	5.13	339,930	518,146	410,267

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,388.77	0.81%	98.5	214.99	4.82	108,071	152,141	338,133
VIC	HOSE	894.2	61,255.47	0.55%	68.5	8.06	3.85	270,123	434,783	531,741
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	0.26%	32.5	6.48	1.40	1,136,997	1,318,871	1,417,304
VCB	HOSE	2,317.4	67,205.10	0.20%	29.0	15.05	1.51	474,386	682,943	850,160
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.14%	20.5	10.65	1.41	1,732,499	1,166,761	1,104,487
BVH	HOSE	680.5	27,559.09	0.10%	40.5	22.48	2.21	453,069	546,991	526,400

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,274	6.3	0.9	15.7%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,803	7.1	1.5	21.2%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,613	19.4	0.7	3.1%	2.0%
Sản xuất giấy	751	7.7	0.8	11.3%	5.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,864	21.1	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,609	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,963	55.8	5.0	1.8%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,020	17.5	1.3	11.8%	8.5%
Xây dựng	28,321	- 29.7	1.1	-6.6%	1.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,043	7.0	1.0	16.6%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	376	3.5	0.8	21.9%	15.8%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,616	9.8	1.0	7.7%	3.7%
Thiết bị điện	1,600	- 15.4	0.6	-1.0%	-1.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	25.6	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,761	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,223	- 2.4	0.9	3.2%	0.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,027	13.8	1.3	14.2%	10.8%
Dịch vụ vận tải	5,325	7.9	1.4	18.3%	11.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,911	10.5	1.3	12.1%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	219	14.6	0.6	6.1%	2.2%
Nhà cung cấp thiết bị	168	7.8	0.7	10.1%	4.4%
Chất thải & Môi trường	165	2.5	0.8	35.1%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,212	21.7	1.9	13.9%	8.1%
Lốp xe	6,990	8.5	2.3	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,374	6.9	1.1	15.7%	8.8%
Vang & Rượu mạnh	249	9.9	1.8	20.8%	13.1%
Đồ uống & giải khát	265	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,364	11.5	1.2	14.0%	6.2%
Thực phẩm	197,775	22.9	4.8	21.3%	16.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	47	37.5	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,079	8.0	0.9	12.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	134	8.1	1.2	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,837	7.8	1.4	17.8%	7.1%
Giày dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,887	8.9	1.8	16.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	705	- 8.4	1.1	0.1%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	881	15.8	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	139	3.3	1.8	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	7.9	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,193	12.1	3.1	25.5%	16.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	747	14.6	1.3	13.2%	8.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,078	8.4	1.3	14.8%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,011	8.1	0.9	12.2%	8.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,775	36.2	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí	2,118	26.6	1.4	15.3%	12.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,133	21.1	1.9	15.6%	13.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	496	19.7	0.6	3.2%	1.2%
Internet	274	57.8	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,161	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	405	14.6	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	272	5.3	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,049	13.9	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,321	-	5.7	-6.5%	3.1%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	187,975	15.8	5.0	32.9%	22.1%
Nước	1,210	6.6	1.0	16.8%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,140	5.1	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,093	11.5	0.6	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,884	8.1	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,695	22.5	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,120	45.9	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	23,099	12.9	1.3	8.2%	6.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	242,662	10.9	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	136,801	11.2	2.5	28.5%	7.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	8.9	0.4	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,522	9.6	1.9	20.5%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.